

BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG

Ngày cập nhật: 29/04/2026

	KHOẢN MỤC PHÍ	KHCN	KH MB Priority	KH MB Private	Ghi chú
I	PHÍ PHÁT HÀNH				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth		Miễn phí		
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth		Miễn phí		
3	Thẻ tín dụng Visa /JCB Platinum		Miễn phí		
4	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	Không áp dụng	Miễn phí	Miễn phí	
5	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum		Miễn phí		
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	Thẻ PVC: 500.000 VND/thẻ chính Thẻ bán kim loại: 2.000.000 VND/thẻ chính	Thẻ PVC: Miễn phí Thẻ bán kim loại: 2.000.000 VND/thẻ chính		Áp dụng từ ngày 01/05/2026. MB sẽ thực hiện truy thu phí phát hành với các trường hợp hệ thống chưa tự động thu phí theo biểu.
			Thẻ phụ: miễn phí		
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	2,000,000 VNĐ	Miễn phí		
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	Thẻ chính: 4.000.000 VNĐ	Thẻ chính: Miễn phí		Áp dụng từ ngày 01/01/2026
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	Thẻ chính: 4.000.000 VNĐ	Thẻ chính: Miễn phí		
		Thẻ phụ: 4.000.000 VNĐ			
			Miễn phí		
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Bamboo, SSC				
11	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Viettravel Classic/Platinum	Thẻ chính/thẻ phụ: Hạng Classic - 100.000 VNĐ; Hạng Platinum - 300.000 VNĐ			
12	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VinID Classic/Platinum	Thẻ chính/thẻ phụ: Hạng Classic - 100.000 VNĐ; Hạng Platinum - 300.000 VNĐ			
II	PHÍ PHÁT HÀNH LẠI THẺ / PIN				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	100.000 VNĐ/thẻ, áp dụng chung đối với thẻ chính và thẻ phụ			
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth				
3	Thẻ tín dụng Visa/JCB Platinum				
4	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum				
5	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority				
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	Miễn phí			
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	100.000 VNĐ/thẻ, áp dụng chung đối với thẻ chính và thẻ phụ			Áp dụng từ ngày 01/01/2026
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	4.000.000 VNĐ/thẻ (Áp dụng cho cả thẻ chính & thẻ phụ)			
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite				
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	100.000 VNĐ/thẻ, áp dụng chung đối với thẻ chính và thẻ phụ			
11	Hỗ trợ khác				
	Phí cấp lại PIN tại quầy - PIN Giấy	20.000 VNĐ / lần, áp dụng chung với các loại thẻ			
	Phí cấp lại PIN trên app	Miễn phí			
	Phí trả thẻ tại nhà	30.000 VNĐ / lần, áp dụng chung với các loại thẻ			
III	PHÍ THƯỜNG NIÊN				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 199.000 VNĐ/năm & miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 20 trđ.			Áp dụng từ ngày 15/10/2025 (xét theo thời gian kích hoạt thẻ)
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth				
3	Thẻ tín dụng Visa/ JCB Platinum	Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 399.000 VNĐ/năm & miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 50 trđ.			
4	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority				
5	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	Miễn phí năm đầu. Từ năm thứ 2: 500.000 VNĐ/ thẻ			
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	1. Thẻ chính: Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 800.000 VNĐ/năm, hoàn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 100 triệu đồng			
		2. Thẻ phụ: Miễn phí			
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 1,299,000 VNĐ/năm Miễn phí/Hoàn 100% phí khi DSCT đạt 100 triệu VNĐ/năm liền kế trước đó			

8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	1. Thẻ chính: Miễn phí năm đầu. Các năm tiếp theo thu 5.999.000 VND/thẻ/năm. Miễn phí khi KH đạt một trong các tiêu chí sau: + DSCT thẻ năm liền trước đạt 300 triệu (BQ 25 triệu/tháng). + Tổng giá trị tài sản của KH tại MB (AUM) ≥ 5 tỷ đồng. + TOI ≥ 150 triệu đồng	Áp dụng từ ngày 01/01/2026
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	2. Thẻ phụ: 3.000.000 VND/thẻ/năm. Miễn phí khi DSCT thẻ phụ năm liền trước đạt 200 triệu đồng.	
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Bamboo	Miễn phí	
11	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu SSC	200.000 VND/năm	
12	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Viettravel Classic/Platinum	Thẻ chính: Hạng Classic - 200.000 VND/năm; Hạng Platinum - 600.000 VND/năm Thẻ phụ: Hạng Classic - 100.000 VND/năm; Hạng Platinum - 300.000 VND/năm	
13	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VinID Classic/Platinum	Thẻ chính: Hạng Classic - 100.000 VND/năm; Hạng Platinum - 400.000 VND/năm Thẻ phụ: Hạng Classic - 50.000 VND/năm; Hạng Platinum - 300.000 VND/năm	
IV	PHÍ GIAO DỊCH	Áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng	
1	Giao dịch qua POS của MB		
	Giao dịch thanh toán mua hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí	
	Giao dịch ứng tiền mặt bằng thẻ tín dụng - chưa bao gồm VAT	3% * Số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000VND	
	Phí in sao kê 5 giao dịch gần nhất	Miễn phí	
	Phí đổi PIN	Miễn phí	
2	Giao dịch ứng tiền mặt qua POS của ngân hàng khác	4% * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu 50.000VND	
3	Giao dịch trên ATM của MB		
	Phí rút tiền mặt	4% * Số tiền giao dịch, tối thiểu 100.000VND	
	Phí truy vấn số dư	Miễn phí	
	Phí in sao kê giao dịch	Miễn phí	
	Phí đổi PIN	Miễn phí	
4	Giao dịch qua ATM của NH khác		
	Phí rút tiền mặt - chưa bao gồm VAT	4% * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu 100.000VND	
	In sổ dư khả dụng (OTB)		
	Phí in sao kê giao dịch	Theo biểu phí của Ngân hàng thanh toán. MB không thu.	
	Phí đổi PIN		
5	Phí thay đổi hạng thẻ (nâng hạng/hạ hạng)		
	Với thẻ tín dụng Visa Infinite & Mastercard World Elite	Nâng hạng: 4.000.000 VND/thẻ; Giảm hạng: Không áp dụng	Áp dụng từ 01/01/2026
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	200.000 VND/thẻ (miễn phí trường hợp thẻ hết hạn và phải đổi hạng do không đủ điều kiện ở hạng cũ)	
6	Phí gia hạn thẻ (không thu VAT)	Miễn phí	
7	Phí ngừng sử dụng thẻ theo yêu cầu của KH		
	Đối với thẻ Visa Infinite và Mastercard World Elite	3.000.000 VND/thẻ	Áp dụng từ 15/01/2026
	Đối với thẻ Visa Signature	Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 600.000 VND/thẻ Các trường hợp khác: 300.000 VND/thẻ	
	Đối với thẻ phi vật lý từ hệ thống (thẻ tặng khi onboard app, QRTS, thẻ gia hạn tự động,...)	Miễn phí	
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 200.000 VND/thẻ Các trường hợp khác: 100.000 VND/thẻ	Với thẻ phi vật lý, áp dụng từ 08/05/2026
8	Phạt chậm thanh toán (không thu VAT)	6% * Số tiền tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu 200.000VND	
9	Phí điều chỉnh hạn mức tín dụng		Kênh quầy: Từ 18/07/2025 Kênh App: Từ 01/08/2025
	- Đối với thẻ Visa Signature	100.000 VND/lần	
	- Đối với các thẻ còn lại	Miễn phí	
	+ Điều chỉnh nâng/ hạ hạn mức theo chính sách MB thực hiện + Điều chỉnh nâng/ hạ hạn mức theo yêu cầu của Khách hàng	Miễn phí lần đầu. Áp dụng từ lần thứ 2: 70.000 VND/ lần	
10	Phí thay đổi hạn mức giao dịch	Miễn phí	
11	Phí thay đổi hình thức đảm bảo sử dụng thẻ (không thu VAT)	100.000 VND/lần	
12	Phí cập nhật lên danh sách thẻ cấm lưu hành của tổ chức thẻ quốc tế		
	Thẻ tín dụng VISA	200.000 VND/lần	
	Thẻ tín dụng JCB	900.000 VND/lần	
	Thẻ tín dụng MASTERCARD	200.000 VND/lần	
13	Phí tra soát (Áp dụng khi chủ thẻ khiếu nại không đúng)	Miễn phí	

	Giao dịch rút tiền ATM			Miễn phí	
14	Phí cấp lại bản sao sao kê			50.000 VND/bản	
15	Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát sinh khác			100.000 VND/lần	
16	Phí chuyển đổi ngoại tệ (Khi thanh toán, rút tiền mặt bằng ngoại tệ)				
	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth			2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth			2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Platinum			2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum			Gói Hàng ngày/Phong cách sống: 2% * Số tiền giao dịch; Gói Du lịch: 0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority			0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Ultimate			0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Signature			0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Infinite			Miễn phí	
	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite			Miễn phí	
	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum			2.0% * Số tiền giao dịch	
17	Phí xử lý giao dịch nước ngoài				
	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa/JCB Platinum			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Ultimate			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Signature			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Infinite			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite			1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum			1% * Số tiền giao dịch	
18	Phí cung cấp bản sao hóa đơn, áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng			80.000 VND/hóa đơn	
	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của MB				
	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của NH khác				
19	Phí giao dịch trên hạn mức dự phòng (nếu có)				
20	Phí duy trì hạn mức với thẻ không hoạt động trong hơn 12 tháng				
21	Phí giao dịch đặc biệt (nếu có)				Từ 06/2025
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ dưới 50 triệu đồng			150.000VND/kỳ	
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 50 đến dưới 100 triệu đồng			300.000VND/kỳ	
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 100 triệu đồng trở lên			500.000VND/kỳ	
V	TRẢ GÓP				
I	Đối với Thẻ tín dụng Visa Signature				
1	Trường hợp chọn thu phí đầu kỳ				
1.1	Phí đăng ký chuyển đổi trả góp (thu KH)				
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết			Miễn phí	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết			Miễn phí	
1.2	Phí quản lý trả góp (thu KH)				
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết			0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết			Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	Đảm bảo tổng giá trị tối thiểu của mức phí quản lý trả góp và phí hỗ trợ trả góp tại Đơn vị liên kết là 0.6%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp
1.3	Phí hỗ trợ trả góp (thu ĐVCNT)			Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
1.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)			2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
2	Trường hợp chọn thu phí hàng kỳ				
2.1	Phí đăng ký chuyển đổi trả góp (thu KH)				
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết			Miễn phí	

	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Miễn phí	
2.2	Phí quản lý trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	Đảm bảo tổng giá trị tối thiểu của mức phí quản lý trả góp và phí hỗ trợ trả góp tại Đơn vị liên kết là 0.6%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp
2.3	Phí hỗ trợ trả góp (thu ĐVCNT)	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
2.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
II	Đối với Thẻ tín dụng còn lại		
1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		
1.1	Phí đăng ký trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (0.8%/tháng*giá trị giao dịch đăng ký trả góp)	
1.2	Phí quản lý	0%/tháng	
1.3	Phí hủy giao dịch trả góp	Miễn phí	
1.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
2.1	Phí đăng ký trả góp	0%/tháng	
2.2	Phí quản lý (thu KH) (không thu VAT)		
	Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết/ trên App MBBank	Theo kỳ hạn trả góp (1.2%/tháng*giá trị giao dịch đăng ký trả góp)	
	Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
2.5	Phí hỗ trợ (thu ĐVCNT) (có VAT)	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
2.6	Phí hủy giao dịch trả góp	Miễn phí	
2.7	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2%* số tiền trả góp	
3	Trường hợp Trả góp theo Chương trình ưu đãi Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) MBLife đóng phí năm 1		
3.1	Phí đăng ký trả góp	Miễn phí ; Áp dụng với kênh thanh toán trên “ Cổng bảo hiểm MB ” và khách hàng tick chọn Trả góp (tại Chợ ứng dụng trên App MBBank); Không áp dụng miễn phí với các kênh thanh toán khác. Trường hợp Khách hàng thực hiện thanh toán HĐBH MBLife tại các kênh khác và chuyển đổi trả góp, mức phí áp dụng theo mục V.1 hoặc V.2 nêu trên.	
3.2	Phí quản lý (thu KH) (không thu VAT)		
3.3	Phí hủy giao dịch trả góp	Miễn phí	
3.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2%* số tiền trả góp (số tiền gốc)	Áp dụng từ ngày 10/12/2025
VI	LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG		
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	30%/năm	
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth	30%/năm	
3	Thẻ tín dụng JCB Platinum	30%/năm	
4	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	30%/năm	
5	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	25%/năm	
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	25%/năm	
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	30%/năm	
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	12%/năm	Áp dụng từ 20.01.26 đến khi có thông báo thay thế
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	12%/năm	
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	30%/năm	
VII	LƯU Ý KHÁC		

- Biểu phí và lãi suất được cập nhật theo quy định MB từng thời kỳ, công bố trên website mbbank.com.vn/fee hoặc mục “Tài liệu, biểu mẫu” → “Khách hàng cá nhân”
- Biểu phí trên chưa bao gồm VAT
- Từ 10/04/2026, MB áp dụng nguyên tắc làm tròn số tiền phí thẻ (chưa VAT) đến hàng chục, cụ thể như sau:
 - Nếu phần đơn vị ≥ 05 thì làm tròn hàng chục lên 10
 - Nếu phần đơn vị < 05 thì làm tròn hàng chục xuống 00